

Bản án số: 31/2025/KDTM-ST
Ngày: 08/4/2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng
cho thuê tài chính”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Văn Hải**

Các Hội thẩm nhân dân:

1) Bà **Nguyễn Thị Nguyên**

2) Ông **Vũ Huy Hoàng**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Kim Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà **Phan Mỹ Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2023/TLST-KDTM ngày 04 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2025/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 116/2025/QĐST-KDTM ngày 07 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty C**; Địa chỉ: Tầng B, Cao ốc S, số C T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cheng Y-C – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Diệp Yến B – Chức vụ: Trưởng phòng Thu hồi công nợ, (theo Giấy ủy quyền số 01.2023/GUQ-COL ngày 03/01/2023).

Người được ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thị Xuân H, sinh năm: 2002; Địa chỉ: Tầng B Cao ốc S, số C T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, (theo Giấy ủy quyền số 1133.2024/GUQ-COL lập ngày 19/12/2024)_ Có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: **Công ty TNHH S gia công Mỹ X.**

Địa chỉ trụ sở: số B ấp B, đường C, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Mỹ X – Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ đăng ký thường trú: ấp G, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang; Chỗ ở hiện nay: số B ấp B (ấp mới là ấp A), xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh_Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. **Công ty TNHH S gia công T Được.**

Địa chỉ trụ sở: số A, đường C, ấp B, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành Đ – Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ đăng ký thường trú: ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang; Chỗ ở hiện nay: số B ấp B (ấp mới là ấp A), xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh_Vắng mặt.

3.2. Ông **Nguyễn Thành Đ**, sinh năm: 1977; Địa chỉ đăng ký thường trú: ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang; Chỗ ở hiện nay: số B ấp B (ấp mới là ấp A), xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh_Vắng mặt.

3.3. Bà **Nguyễn Thị Mỹ X**, sinh năm: 1979; Địa chỉ đăng ký thường trú: ấp G, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang; Chỗ ở hiện nay: số B ấp B (ấp mới là ấp A), xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh_Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty C và người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Xuân H trình bày:

Công ty C (gọi tắt là Công ty C) là tổ chức tín dụng phi ngân hàng có chức năng cho thuê tài chính theo quy định của pháp luật Việt Nam. Công ty TNHH S gia công Mỹ Xem là khách hàng thuê tài chính của Công ty C.

Do Công ty TNHH S gia công Mỹ X có nhu cầu sử dụng phương tiện máy móc phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình và đề nghị Công ty C tài trợ tài chính nên hai bên đã ký kết Hợp đồng cho thuê tài chính số F210555902 vào ngày 31/05/2021, số F220618302 ngày 30/06/2022 (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng thuê”). Theo đó, tài sản mà Công ty TNHH S có nhu cầu thuê tài chính là:

- Hợp đồng số F210555902 ngày 31/05/2021: Tài sản thuê là 01 máy thổi màng nhựa;

- Hợp đồng số F220618302 ngày 30/06/2022: Tài sản thuê là 05 máy thổi màng nhựa, 01 máy in màng và 05 máy cắt.

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của Công ty TNHH S gia công Mỹ Xem theo Hợp đồng thuê, Công ty C chấp nhận thư bảo lãnh thanh toán của Công ty TNHH S gia công Thành Được, cá nhân bà Nguyễn Thị Mỹ X và ông Nguyễn Thành Đ ký vào các ngày 31/05/2021 và 30/06/2022. Theo đó, trường hợp Công ty TNHH S gia công Mỹ X không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo các Hợp đồng thuê, Công ty TNHH S gia công Thành Được, cá nhân bà Nguyễn Thị Mỹ X và ông Nguyễn Thành Đ cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê thay cho Công ty TNHH S gia công Mỹ X.

Bên cạnh đó, để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của Công ty TNHH S gia công Mỹ X, ngày 30/06/2022, Công ty TNHH S gia công T Được còn thế chấp cho Công ty C tài sản là một (01) Ô tô tải (có mui), hiệu: THACO, số máy: JT-708476, số khung: RNHA500BKGC018147, biển số: 50H-181.43 theo hợp đồng thế chấp số F220618302-MA.

Để thực hiện hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên, Công ty C đã ký hợp đồng mua bán số F210555902-PC vào ngày 31/05/2021, số F220618302-PC ngày 30/06/2022 với Công ty TNHH S gia công Mỹ X để mua các tài sản nêu trên và cho Công ty TNHH S gia công Mỹ X thuê lại chính các tài sản này. Đây là hình thức mua

cho thuê lại theo quy định của pháp luật về cho thuê tài chính. Công ty TNHH S gia công Mỹ X đã ký vào giấy chứng nhận nghiệm thu tài sản thuê vào ngày 01/06/2021 và ngày 30/06/2022 để xác nhận việc đã nhận được các Tài sản thuê.

-Thời hạn thuê của Hợp đồng thuê số F210555902 là 36 tháng, từ ngày 01/06/2021 đến 25/05/2024. Lãi suất thuê là lãi suất cố định 15,50%/năm.

-Thời hạn thuê của Hợp đồng thuê số F220618302 là 36 tháng, từ ngày 30/06/2022 đến 25/06/2025. Lãi suất thuê là lãi suất cố định 16,00%/năm.

Hằng tháng, Công ty TNHH S gia công Mỹ X phải thanh toán cho Công ty C tiền thuê bao gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc mà Công ty C đã tài trợ cùng các khoản lãi theo Hợp đồng thuê. Trước khi Công ty TNHH S gia công Mỹ X trả hết toàn bộ vốn gốc cùng các khoản lãi, Công ty C vẫn là chủ sở hữu của Tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu, v.v. đối với Tài sản thuê. Căn cứ theo các quy định pháp luật hiện hành và Điều 26 của Hợp đồng thuê, nếu Công ty TNHH S gia công Mỹ X vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê, hay vi phạm bất cứ một điều khoản hoặc điều kiện nào của Hợp đồng thuê, hay bị mất khả năng thanh toán, Công ty C đều có quyền chấm dứt Hợp đồng thuê trước thời hạn, thu hồi tài sản thuê và yêu cầu Công ty TNHH S gia công Mỹ X bồi thường thiệt hại (nếu có).

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng thuê, Công ty TNHH S gia công Mỹ X thường xuyên thanh toán không đúng hạn theo lịch trình đã thỏa thuận, mặc dù Công ty C đã nhiều lần liên lạc với Công ty TNHH S gia công Mỹ X để yêu cầu thanh toán nhưng vẫn không nhận được sự hợp tác từ phía Công ty TNHH S gia công Mỹ X.

Ngày 21/8/2023, do Công ty TNHH S gia công Mỹ X vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo quy định tại Điều 26 của Hợp đồng thuê, Công ty C đã phát hành Thông báo chấm dứt hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê, theo đó yêu cầu Công ty TNHH S gia công Mỹ X thanh toán tổng số tiền còn thiếu theo Hợp đồng thuê tính đến ngày 22/8/2023 (ngày chính thức chấm dứt hợp đồng thuê) là 1.652.186.275 đồng (Một tỷ sáu trăm năm mươi hai triệu một trăm tám mươi sáu nghìn hai trăm bảy mươi lăm đồng). Từ đó đến nay, Công ty TNHH S gia công Mỹ X không thanh toán thêm bất cứ khoản tiền nào cho Công ty C. Đồng thời, Công ty TNHH S gia công Mỹ X cũng không bàn giao tài sản thuê cho Công ty C (tài sản thuê hiện tại đang do Công ty TNHH S gia công Mỹ X quản lý và sử dụng theo các biên bản nghiệm thu tài sản thuê).

Ngày 04/01/2024, Công ty C đã tiến hành thu giữ tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số F220618302-MA ngày 30/6/2023 ký giữa Công ty TNHH S và Công ty C là 01 ô tô tải (có mui), hiệu THACO, số máy: JT-708476, số khung: RNHA500BKGC018147, biển số: 50H-181.43.

Ngày 05/3/2024, Công ty C đã phát hành văn bản số 01.2024/CV-MX về việc xử lý tài sản thế chấp.

Đến ngày 11/4/2024, Công ty C đã tiến hành thanh lý tài sản thế chấp nêu trên với giá 190.000.000 đồng (bao gồm cả thuế VAT), số tiền này sau khi trừ các chi phí thu hồi hợp lý còn lại được trừ vào nợ gốc.

Ngày 20/4/2024, Công ty C đã phát hành thông báo đã thanh lý tài sản thế chấp.

Ngày 28/11/2024, Công ty C đã chủ động căn trừ tiền ký cược bảo đảm với tổng

số tiền là 479.250.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Tuy nhiên, số tiền từ việc thanh lý tài sản thế chấp và cầm trừ tiền ký cược bảo đảm vẫn không đủ để cầm trừ toàn bộ khoản nợ theo các Hợp đồng thuê tài chính. Đồng thời, Công ty TNHH S gia công Mỹ X cũng không tiếp tục thanh toán số tiền thuê còn nợ cho Công ty C. Vì vậy, Công ty C khởi kiện vụ án ra Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Đơn yêu cầu v/v rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 14/6/2024, Công ty C rút lại yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là 01 ô tô tải (có mui), hiệu THACO, số máy: JT-708476, số khung: RNHA500BKGC018147, biển số: 50H-181.43 theo hợp đồng thế chấp số F220618302-MA.

Tại Đơn yêu cầu v/v rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 12/12/2024, Công ty C rút lại yêu cầu buộc Công ty TNHH S gia công Mỹ X giao trả toàn bộ tài sản thuê cho Công ty C để xử lý, thu hồi nợ.

Công ty C yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc Công ty TNHH S gia công Mỹ X thanh toán cho Công ty C toàn bộ số tiền còn nợ phát sinh trên các Hợp đồng cho thuê tài chính số F210555902 ngày 31/05/2021 và số F220618302 ngày 30/06/2022 tạm tính đến ngày 08/4/2025 là 1.284.724.695 đồng (Một tỷ hai trăm tám mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm chín mươi lăm đồng), trong đó: nợ gốc là 690.910.096 đồng (Hợp đồng F210555902: 11.375.000 đồng, Hợp đồng F220618302: 679.535.096 đồng), nợ lãi trong hạn tính đến ngày 22/08/2023 là 318.193.215 đồng (Hợp đồng F210555902: 20.437.789 đồng, Hợp đồng F220618302: 297.755.426 đồng), nợ lãi chậm thanh toán tính đến ngày 08/4/2025 là 275.621.384 đồng (Hợp đồng F210555902: 22.917.475 đồng, Hợp đồng F220618302: 252.703.909 đồng).

- Buộc Công ty TNHH S gia công Mỹ X thanh toán cho Công ty C tiền lãi chậm trả phát sinh kể từ ngày 09/4/2025 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

- Trường hợp Công ty TNHH S gia công Mỹ X không thanh toán được toàn bộ khoản nợ trên thì yêu cầu buộc các bên bảo lãnh là Công ty TNHH S gia công Thành Đ, bà Nguyễn Thị Mỹ X và ông Nguyễn Thành Đ có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty C cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ.

Bị đơn Công ty TNHH S gia công Mỹ X vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay và không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH S, ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị Mỹ X đều vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay và không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty C. Bị đơn chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các bên đương sự trình bày và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Công ty C thuê Tài chính Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) Một thành viên Quốc tế C khởi kiện tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính với Công ty TNHH S gia công Mỹ X. Đây là tranh chấp kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp kèm theo công văn số 42/ĐKKD-T6 của Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì bị đơn Công ty TNHH S gia công Mỹ X có trụ sở tại B ấp B, đường C, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn Công ty C là bà Nguyễn Thị Xuân H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

Bị đơn Công ty TNHH S gia công Mỹ X; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH S, ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị Mỹ X đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Công ty TNHH S gia công Mỹ X, Công ty TNHH S, ông Đ và bà X.

[3] Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch giữa các đương sự xác lập vào thời điểm Luật tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Luật tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giải quyết vụ án.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1]. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn Công ty TNHH S gia công Mỹ X; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH S, ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị Mỹ X đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ chứng minh

cho yêu cầu khởi kiện đã được Tòa án thông báo cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết nhưng đến tại phiên tòa hôm nay bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản gì thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tự tước bỏ quyền phản đối yêu cầu của nguyên đơn đối với mình, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình nên bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

[4.2] Căn cứ Hợp đồng cho thuê tài chính số F210555902 ngày 31/5/2021, Hợp đồng cho thuê tài chính số F220618302 ngày 30/6/2022 được ký kết giữa Công ty C và Công ty TNHH S gia công Mỹ Xem trên cơ sở tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, các thỏa thuận trong hợp đồng có nội dung và mục đích để thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực, buộc các bên phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

[4.3] Về yêu cầu trả nợ gốc:

Căn cứ Hợp đồng cho thuê tài chính số F210555902 ngày 31/5/2021 ký giữa Công ty C và Công ty TNHH S gia công Mỹ X có cơ sở xác định giữa các bên có thỏa thuận là Công ty C cho Công ty TNHH S gia công Mỹ Xem thuê tài chính là 01 máy thổi màng nhựa. Để thực hiện các hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên, Công ty C đã ký hợp đồng mua bán số F210555902-PC ngày 31/5/2021 để mua tài sản nêu trên từ Công ty TNHH S gia công Mỹ X và cho Công ty TNHH S gia công Mỹ Xem thuê lại chính tài sản này; trong đó tổng giá trị tài sản thuê này là 650.000.000 đồng, Công ty TNHH S gia công Mỹ X đã thanh toán 357.500.000 đồng, còn lại Công ty C cho Công ty TNHH S thuê giá trị tài sản là 292.500.000 đồng. Thời hạn thuê là 36 tháng bắt đầu từ ngày 01/6/2021 đến ngày 25/5/2024, lãi suất thuê là 15.50%/năm. Ngày 31/5/2021, Công ty TNHH S gia công Mỹ X đã ký Giấy chứng nhận nghiệm thu tài sản thuê. Đến ngày 02/6/2021, Công ty C ban hành Thông báo bắt đầu thuê đối với các tài sản nêu trên.

Căn cứ Hợp đồng cho thuê tài chính số F220618302 ngày 30/6/2022 ký giữa Công ty C và Công ty TNHH S gia công Mỹ X có cơ sở xác định giữa các bên có thỏa thuận là Công ty C cho Công ty TNHH S gia công Mỹ Xem thuê tài chính là 05 máy thổi màng nhựa, 01 máy in màng, 05 máy cắt. Để thực hiện hợp đồng cho thuê tài chính trên, Công ty C đã ký hợp đồng mua bán số F220618302-PC ngày 30/6/2022 để mua các tài sản nêu trên từ Công ty TNHH S gia công Mỹ X và cho Công ty TNHH S gia công Mỹ X thuê lại chính các tài sản này, trong đó tổng giá trị tài sản thuê này là 2.675.000.000 đồng, Công ty TNHH S gia công Mỹ X đã thanh toán 882.750.000 đồng, còn lại Công ty C cho Công ty TNHH S thuê giá trị tài sản là 1.792.250.000 đồng. Thời hạn thuê là 36 tháng từ ngày 30/6/2022 đến ngày 25/6/2025, lãi suất thuê là 16.00%/năm. Ngày 30/6/2022, Công ty TNHH S gia công Mỹ X đã ký Giấy chứng nhận nghiệm thu tài sản thuê. Đến ngày 01/7/2022, Công ty C ban hành Thông báo bắt đầu thuê đối với các tài sản nêu trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH S gia công Mỹ X đã vi phạm

nghĩa vụ thanh toán. Ngày 04/01/2024, Công ty C đã tiến hành thu giữ tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số F220618302-MA ngày 30/6/2023 ký giữa Công ty TNHH S và Công ty C là 01 ô tô tải (có mui), hiệu THACO, số máy: JT-708476, số khung: RNHA500BKGC018147, biển số: 50H-181.43. Ngày 05/3/2024, Công ty C đã phát hành văn bản số 01.2024/CV-MX về việc xử lý tài sản thế chấp. Đến ngày 11/4/2024, Công ty C đã tiến hành thanh lý tài sản thế chấp nêu trên với giá 190.000.000 đồng (bao gồm cả thuế VAT), số tiền này sau khi trừ các chi phí thu hồi hợp lý còn lại được trừ vào nợ gốc. Ngày 20/4/2024, Công ty C đã phát hành thông báo đã thanh lý tài sản thế chấp.

Ngày 28/11/2024, Công ty C đã chủ động trừ tiền ký cược bảo đảm với tổng số tiền là 479.250.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) vào số tiền Công ty TNHH S gia công Mỹ X còn nợ.

Căn cứ bảng chi tiết tính lãi tạm tính đến ngày 08/4/2025, Công ty TNHH S còn nợ Công ty C số tiền thuê phát sinh trên các Hợp đồng cho thuê tài chính số F210555902 ngày 31/05/2021 và số F220618302 ngày 30/06/2022 tạm tính đến ngày 08/4/2025 là 1.284.724.695 đồng (Một tỷ hai trăm tám mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm chín mươi lăm đồng), trong đó: nợ gốc là 690.910.096 đồng (Hợp đồng F210555902: 11.375.000 đồng, Hợp đồng F220618302: 679.535.096 đồng), nợ lãi trong hạn tính đến ngày 22/08/2023 là 318.193.215 đồng (Hợp đồng F210555902: 20.437.789 đồng, Hợp đồng F220618302: 297.755.426 đồng), nợ lãi chậm thanh toán tính đến ngày 08/4/2025 là 275.621.384 đồng (Hợp đồng F210555902: 22.917.475 đồng, Hợp đồng F220618302: 252.703.909 đồng).

Công ty TNHH S gia công Mỹ X đã nhận tài sản thuê, nhưng lại không thanh toán tiền theo đúng thỏa thuận của hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, Công ty C đã gửi thông báo về việc chấm dứt hợp đồng thuê và thu hồi Tài sản thuê, nhưng đến nay Công ty TNHH S gia công Mỹ X chưa thanh toán, căn cứ Điều 26 của các hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên, Công ty C khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc tính đến ngày 08/4/2025 là 690.910.096 đồng (Sáu trăm chín mươi triệu chín trăm mười nghìn không trăm chín mươi sáu đồng), trong đó: nợ gốc của Hợp đồng F210555902 là 11.375.000 đồng, nợ gốc của Hợp đồng F220618302 là 679.535.096 đồng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.4] Về yêu cầu trả nợ lãi:

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại Điều 26 của Hợp đồng cho thuê tài chính số F210555902 ngày 31/5/2021 và Hợp đồng cho thuê tài chính số F220618302 ngày 30/6/2022 nên nguyên đơn căn cứ vào Điều 6 của các hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên để yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi trong hạn tính đến ngày 22/08/2023 là 318.193.215 đồng (Hợp đồng F210555902: 20.437.789 đồng, Hợp đồng F220618302: 297.755.426 đồng) và tiền lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 08/4/2025 là 275.621.384 đồng (Hợp đồng F210555902: 22.917.475 đồng, Hợp đồng F220618302: 252.703.909 đồng). Tổng cộng 593.814.599 đồng (Năm trăm chín mươi ba triệu tám trăm mười bốn nghìn năm trăm chín mươi chín đồng) là có căn cứ nên chấp nhận.

Tại Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định: *“Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi*

hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật”.

[4.5] Về nghĩa vụ bảo lãnh:

Căn cứ Thư bảo lãnh công ty do Công ty TNHH S gia công T Được ký ngày 31/5/2021, 30/6/2022 và Thư bảo lãnh cá nhân do bà Nguyễn Thị Mỹ X, ông Nguyễn Thành Đ ký ngày 31/5/2021, 30/6/2022, trường hợp Công ty TNHH S gia công Mỹ Xem không thanh toán đầy đủ khoản tiền nợ thì buộc người bảo lãnh là Công ty TNHH S gia công Thành Được, ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị Mỹ X có trách nhiệm thanh toán cho Công ty C theo như nội dung Thư bảo lãnh công ty và nội dung Thư bảo lãnh cá nhân đã ký ngày 31/5/2021 và 30/6/2022 cho đến khi hết số tiền còn nợ là phù hợp theo quy định tại các Điều 335, 336, 338, 339 và 342 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích và viện dẫn nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty C đối với bị đơn Công ty TNHH S gia công Mỹ X, buộc bị đơn Công ty TNHH S gia công Mỹ X thanh toán số tiền còn nợ phát sinh trên các Hợp đồng cho thuê tài chính số F210555902 ngày 31/05/2021 và số F220618302 ngày 30/06/2022 tạm tính đến ngày 08/4/2025 là 1.284.724.695 đồng (Một tỷ hai trăm tám mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm chín mươi lăm đồng), trong đó: nợ gốc là 690.910.096 đồng (Hợp đồng F210555902: 11.375.000 đồng, Hợp đồng F220618302: 679.535.096 đồng), nợ lãi trong hạn tính đến ngày 22/08/2023 là 318.193.215 đồng (Hợp đồng F210555902: 20.437.789 đồng, Hợp đồng F220618302: 297.755.426 đồng), nợ lãi chậm thanh toán tính đến ngày 08/4/2025 là 275.621.384 đồng (Hợp đồng F210555902: 22.917.475 đồng, Hợp đồng F220618302: 252.703.909 đồng). Buộc Công ty TNHH S gia công Mỹ X thanh toán cho Công ty C tiền lãi chậm trả phát sinh từ ngày 09/4/2025 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong các hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp Công ty TNHH S gia công Mỹ Xem không thanh toán đầy đủ khoản tiền nêu trên, buộc người bảo lãnh là Công ty TNHH S gia công Thành Được, ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị Mỹ X có trách nhiệm thanh toán cho Công ty C theo như nội dung Thư bảo lãnh công ty và nội dung Thư bảo lãnh cá nhân đã ký ngày 31/5/2021, 30/6/2022 cho đến khi thanh toán hết số tiền còn nợ.

[6] Nguyên đơn Công ty C có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là 01 ô tô tải (có mui), hiệu THACO, số máy: JT-708476, số khung: RNHA500BKGC018147, biển số: 50H-181.43 theo hợp đồng thế chấp số F220618302-MA và yêu cầu buộc Công ty TNHH S gia công Mỹ X giao trả toàn bộ tài sản thuê cho Công ty C để xử lý, thu hồi nợ. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút yêu cầu này của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ xét xử yêu cầu này theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Xét, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tổ tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 335, Điều 336, Điều 338, Điều 339 và Điều 342 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Luật tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động của Công ty C và Công ty cho thuê tài chính;

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty C đối với Công ty TNHH S gia công Mỹ X.

Buộc Công ty TNHH S gia công Mỹ X thanh toán cho Công ty C số tiền 1.284.724.695 đồng (Một tỷ hai trăm tám mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm chín mươi lăm đồng), trong đó: nợ gốc là 690.910.096 đồng, tiền lãi trong hạn tính đến ngày 22/8/2023 là 318.193.215 đồng, tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 08/4/2025 là 275.621.384 đồng.

Kể từ ngày 09/4/2025, Công ty TNHH S gia công Mỹ X còn phải thanh toán cho Công ty C tiền lãi chậm trả phát sinh tính trên nợ gốc chưa thanh toán với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong các hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp Công ty TNHH S gia công Mỹ X không thanh toán đầy đủ khoản tiền còn nợ thì người bảo lãnh là Công Ty TNHH S gia công Thành Được, ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị Mỹ X cùng có trách nhiệm thanh toán cho Công ty C theo như nội dung Thư bảo lãnh công ty và nội dung Thư bảo lãnh cá nhân đã ký ngày 31/5/2021, 30/6/2022 cho đến khi hết số tiền còn nợ.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là 01 ô tô tải (có mui), hiệu THACO, số máy: JT-708476, số khung: RNHA500BKGC018147, biển số: 50H-181.43 theo hợp đồng thế chấp số

F220618302-MA và yêu cầu buộc Công ty TNHH S gia công Mỹ X giao trả toàn bộ tài sản thuê cho Công ty C để xử lý, thu hồi nợ.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH S gia công Mỹ X phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 50.541.741 đồng (Năm mươi triệu năm trăm bốn mươi một nghìn bảy trăm bốn mươi một đồng).

H1 lại cho Công ty C số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 30.931.166 đồng (Ba mươi triệu chín trăm ba mươi một nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0020825 ngày 27/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- **Nơi nhận:**

- TAND TP . HCM
- VKSND TP . HCM;
- VKSND huyện Bình Chánh;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Văn Hải